TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU HÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/DS-ST
Ngày: 29/9/2017.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Song.

2. Bà Nguyễn Thị Sang.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phước Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*: Ông Võ Trung Dương*, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST–DS ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo quyết định số: 50/2017/QĐST - DS ngày 19/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Sơn Thị D, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan

1. Anh Nguyễn Bình S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Sơn S, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Ngày 30/7/2015 âm lịch (al), chị có chơi hụi của chị Sơn Thị D làm đầu thảo với số tiền 1.000.000 đồng, một tháng mở một lần, gồm 17 phần tham gia, chị tham gia 01 phần, hụi đã mở được 15 lần, chị đã đóng hụi sống được 15 lần với số tiền 10.340.000 đồng. Sau đó chị D tuyên bố bể hụi vào ngày 15/11/2016 al, chị D có gom những người còn sống lại bốc thăm để hốt hụi, dây hụi này chỉ còn lại chị với chị Đoàn Ngọc Cương nên có hai thăm, ai bốc thăm trúng số tiền thì được hốt, chị đã bốc trúng nên được hốt ở kỳ thứ 16 với số tiền 15.000.000 đồng, nhưng sau khi bốc thăm thì chị D không giao tiền lại cho chị cho đến nay.

Chị N thừa nhận vào ngày 07 tháng 10 năm 2016 âm lịch, anh Sơn S là chồng chị D đến nhà chị gặp chồng chị là Nguyễn Bình S trả 15.000.000 đồng, nhưng tiền này là tiền chị D vay của chị không phải tiền hụi. Số tiền 15.000.000 đồng anh S trả là tiền chị D mượn của chị vào ngày 20/7/2016 al, chị D mượn để trả tiền cho nhà nước, anh S trả 15.000.000 đồng là tiền chị D mượn không phải tiền hụi.

Nay chị yêu cầu chị Sơn Thị D trả lại cho chị 15.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn chị Sơn Thị D trình bày:* Chị có làm đầu thảo dây hụi khui ngày 30/7/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, chị N tham gia 01 chân, đóng được 15 lần và hốt ở kỳ thứ 16 với số tiền gốc và lãi là 15.000.000 đồng. Số tiền nợ hụi này chị N hốt được vào ngày 30/9/2016 âm lịch, sau khi chị N khui được hụi, ngày 07/10/2016, âm lịch chị có nhờ chồng chị là anh S đem đến nhà chị N trả cho chị N số tiền 15.000.000 đồng. Nên chị không đồng ý trả nữa.

Đối với lời trình bày của chị N cho rằng chị có mượn của chị N số tiền 15.000.000 đồng là không đúng, chị không có mượn của chị N.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+*Anh Sơn S trình bày:* Việc quan hệ chơi hụi hay vay mượn tiền giữa vợ anh là chị D với chị N anh hoàn toàn không biết. Anh không nhớ ngày tháng năm, nhưng vợ anh có gởi giấy lại cho anh kêu anh lên nhà chị N trả cho chị N số tiền 15.000.000 đồng, do chị N không có nhà nên tới gặp chồng chị N là anh Nguyễn Bình S anh giao trả 15.00.000 đồng cho anh Sơn, số tiền 15.000.000 đồng giao cho anh Sơn không có nói rõ là trả tiền gì.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Bình S trình bày:* Ngày 07/10/2016 âm lịch anh Sơn S có đến nhà và đưa trả cho vợ anh số tiền 15.000.000 đồng nhưng không có nói rõ là tiền gì. Việc chơi hụi hay vay mượn tiền giữa vợ anh với chị D anh có biết, nhưng không biết cụ thể là chơi hụi như thế nào. Trước khi anh S trả số tiền 15.000.000 đồng, ngày 06/10/2016 al anh S có đến nhà anh để đòi tiền, theo anh S nói chị D là vợ anh có nói chị N có mượn của chị D số tiền 20.000.000 đồng, vợ anh là chị N có nói là không có

nợ chị D mà chị D có mượn của vợ anh số tiền 15.000.000 đồng, anh S có nói để hôm sau anh bán vàng để trả.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đặng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Sơn Thị D phải trả cho chị số tiền hụi đã tham gia dây hụi khui ngày 30/7/2015 al với số tiền chị đã hốt được chị D thừa nhận với số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với chị Sơn Thị D thừa nhận chị N có tham gia chơi hụi dây hụi khui ngày 30/7/2015 al với số tiền chị N được hốt ở kỳ thứ 16 bằng 15.000.000 đồng, nhưng số tiền này chị đã kêu anh S chồng chị trả cho chị N được anh Sơn nhận vào ngày 07/9/2017.

Đối với anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Chị D cho rằng anh S không có liên quan trong vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh S. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xừ quyết định xét xử vắng mặt anh S.,

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đảm bảo đúng quy định; về người tham gia tố tụng Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Buộc chị Sơn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị N số tiền hụi vốn và lãi bằng 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu chị Sơn Thị D phải giao trả lại cho chị số tiền hụi chơi do chị D làm đầu thảo. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng chơi hụi"; căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2. Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa bị đơn là chị D, người có liên quan là anh S, anh S gia tố tụng, thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng theo quy định tại Điều 68, Điều 70, Điều 196, Điều 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự, được Viện kiểm sát nhận định thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về nội dung: Chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu chị Sơn Thị D phải trả lại cho chị số tiền 15.000.000 đồng, chị N khai số tiền này do chị tham gia chơi hụi do chị D làm đầu thảo, hụi được khui vào 30/7/2015 al, loại hụi 1.000.000 đồng, 01tháng khui một lần, dây hụi này có 17 người tham gia, chị N tham gia 01 phần, hụi khui đến lần thứ 16 chị hốt được số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này chị D không giao cho chị.

Chị D thừa nhận lời khai của chị N là đúng, chị N có hốt hụi ở lần thứ 16 với số tiền15.000.000 đồng, nhưng số tiền này chị đã kêu chồng là anh S đến trả cho chị N và đã trả cho chồng chị N là anh S vào ngày 07/10/2017 al.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Đặng Thị N yêu cầu bị đơn chị Sơn Thị D phải trả cho chị số tiền hụi được hốt bằng 15.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Số tiền chị N hốt hụi được 15.000.000 đồng chị D thừa nhận là đúng, đây là số tiền được chị N và chị D thừa nhận không phải chứng minh.

Chị N và anh Sơn thừa nhận có nhận của anh S là chồng chị D số tiền 15.000.000 đồng trả thay cho chị D, nhưng đây là số tiền vay mượn không phải là tiền hụi và số tiền này trả vào ngày 07/10/2016 al trước ngày chị N kêu hụi và được hốt hụi 30/10/2016 al.

Chị D và anh S cho rằng số tiền 15.000.000 đồng đã trả là tiền hụi và trả vào ngày 07/10/2016 al, chị D không thừa nhận có thiếu tiền vay mượn của chị N.

Mặc dù chị N không có giấy tờ để chứng minh chị D có vay mượn của chị với số tiền 15.000.000 đồng (do chị D không thừa nhận), nhưng số tiền anh S chồng chị D giao trả cho chị N được anh S nhận vào ngày 07/10/2016 al, là trước ngày chị D với chị N tổ chức khui hụi lần thứ 16.

Bản thân chị D trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay đều khai, thừa nhận là sau khi tổ chức khui hụi cùng chị N và chị N hốt hụi ở kỳ thứ 16, hốt được số tiền 15.000.000 đồng chị mới kêu anh S là chồng chị giao tiền cho chị N vào ngày 07/10/2016 al. Trong hòa giải, bản tự khai anh S xác nhận anh có trả tiền cho chị N nhưng giao cho anh S là chồng chị N số tiền 15.000.000 đồng anh không có nói tiền gì và anh giao số tiền 15.000.000 đồng cho anh Sơn là ngày 07/10/2016 al. Chị D cũng có lời trình bày như anh S và chị cũng khẳng định chị có nhờ anh S trả cho chị N số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 07/10/2016 al.

Đối chiếu với danh sách hụi do chị D cung cấp cho Tòa án, dây hụi khui ngày 30/7/2015 al, do chị Sơn Thị D làm đầu thảo với số tiền 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, gồm 17 phần tham gia. Tại Tòa hôm nay qua đối chất giữa chị N với chị D, chị D, chị N khẳng định dây hụi hui đúng vào ngày 30/7/2015 al, một tháng khu một lần và chị N hốt ở lần thứ 16. Dây hụi này chị N đúng theo thỏa thuận là ngày 30 hàng tháng nếu có lễ, tết thì khui hụi trước hoặc sau chỉ một vài ngày, và số tiền trả 15.000.000đ là trả sau khi khui hụi ở

kỳ thứ 16.Tính theo trình tự khui hàng tháng của từng thành viên hốt, chị N hốt ở kỳ thứ 16 là vào ngày 30/10/2017.

Như vậy chị D trả số tiền cho chị N vào ngày 07/10/2017 là trước ngày chị N kêu hụi ở kỳ thứ 16 nên số tiền chị D giao cho anh S trả cho chị N mà anh Sơn nhận không phải là trả tiền hụi của dây hụi khui ngày 30/7/2015.

Như vậy yêu cầu khởi kiện của chị N cũng như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa buộc chị D phải trả cho chị N số tiền 14.500.000 đồng (trừ 500.000 đồng cho đầu thảo) tiền hụi là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Chị D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2016; áp dụng quy định tại Điều 17, 21, 26 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; áp dụng Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N, buộc chị Sơn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị N số tiền hụi bằng 14.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Án phí: buộc chị Sơn Thị D phải chịu 725.000 đồng án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Đăng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng theo biên lai số 0009962 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh

Sơn S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được niêm yết nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC.THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Văn Hùng